

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Thời gian **09h00' ngày 26 tháng 02 năm 2026 - Thứ 5** (đón tiếp, đăng ký tham dự từ 08h00)

Địa điểm **Phòng họp số 1 (tầng 2) - Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội; Địa chỉ: Lô A2CN3 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội.**

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08h00 - 09h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông đăng ký tham dự Đại hội, phát tài liệu họp
09h00 - 09h05	Khai mạc Đại hội
09h05 - 09h10	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội
09h10 - 09h20	- Thông qua Chương trình Đại hội - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội
09h20 - 09h25	Giới thiệu đoàn Chủ tịch, thư ký, ban kiểm phiếu kiêm ban bầu cử
09h25 - 10h40	Trình bày các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội gồm:
	1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026
	2. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
	3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	4. Tờ trình về việc thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2025
	5. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 06 tháng và năm 2026
	6. Tờ trình về việc ban hành Điều lệ mới
	7. Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
	8. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
	9. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
	10. Tờ trình về việc phê duyệt chủ trương giải thể Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt và Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị đại diện quyền lợi của Công ty thực hiện các thủ tục liên quan để thu hồi vốn đầu tư

THỜI GIAN	NỘI DUNG
	11. Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
	12. Tờ trình về phê duyệt thủ lao Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2026 - 2031
	13. Tờ trình về việc thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025
	14. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031
	Các nội dung khác (nếu có)
10h40 - 10h45	Ban bầu cử hướng dẫn cổ đông điền phiếu biểu quyết, tiến hành biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình
10h45 - 11h10	Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031: thông qua quy chế bầu cử, hướng dẫn cổ đông điền phiếu bầu cử, tiến hành bầu cử
11h10 - 11h25	Nghỉ giải lao, tham quan Nhà máy (nếu có)
11h25 - 11h35	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình
11h35 - 11h45	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031
11h45 - 11h50	- Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết - Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội
11h50 - 11h55	Bế mạc Đại hội

Ghi chú: Chương trình có thể điều chỉnh, bổ sung cho đến ngày tổ chức Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026*

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được thông qua ngày 28/12/2021.

Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi là "Đại hội") của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3 Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

Điều 3. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

- 3.1 Được Ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội;
- 3.2 Phát biểu và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- 3.3 Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết sau khi đăng ký tham dự với ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- 3.4 Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội;

Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà NộiAdd: Số 10B phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | Web: www.thongnhat.com.vn

Tel: 024 - 38572699 | Fax: 024 - 38572744

- 3.5 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký ngay và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội những vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban Kiểm phiếu đang tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết.

Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

- 4.1 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tới tham dự họp Đại hội phải đăng ký tham dự với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và phải xuất trình các giấy tờ sau:
- a) Trường hợp cổ đông là cá nhân cần mang theo: CMTND/CCCD/CC hoặc hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.
 - b) Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho cá nhân khác tham dự đại hội cần mang theo: (i) CMTND/CCCD/CC hoặc hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người nhận ủy quyền, (ii) Giấy ủy quyền hợp lệ **theo đúng mẫu của Công ty**.
 - c) Trường hợp cổ đông là tổ chức cần mang theo: (i) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập có chứng thực hợp lệ, (ii) CMTND/CCCD/CC hoặc hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người đại diện theo pháp luật.
 - d) Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác dự họp đại hội cần mang theo: (i) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập có chứng thực hợp lệ, (ii) CMTND/CCCD/CC hoặc hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người nhận ủy quyền, (iii) giấy ủy quyền hợp lệ **theo đúng mẫu của công ty**.
- 4.2 Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa đại hội và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.
- 4.3 Giữ gìn an ninh trật tự và không gây rối loạn hay lộn xộn trong Đại hội.
- 4.4 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội, có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp Cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội, phải liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo và nộp ý kiến (nếu có) bằng văn bản của cá nhân về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.
- 4.5 Khi tham dự Đại hội, nếu có câu hỏi cần phát biểu khi thảo luận: mỗi cổ đông phát biểu trong thời lượng tối đa **05 phút**. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội thu nhận và Đoàn Chủ tọa trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời cổ đông bằng hình thức phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đại hội

- 5.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do chủ tịch HĐQT công ty làm chủ tọa Đại hội;
- 5.2 Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- 5.3 Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trình tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số các cổ đông tham dự;
- 5.4 Chủ tọa có thể yêu cầu tất cả người tham dự Đại hội chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp;
- 5.5 Bất cứ lúc nào Chủ tọa có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu thấy rằng:
- a) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.6 Điều hành phần trao đổi, thảo luận:

- a) Chủ tọa có quyền chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình Đại hội. Chủ tọa sẽ không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông;
- b) Đối với các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ 2026 nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Ban Thư ký tập hợp và Đoàn Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- c) Các câu hỏi, ý kiến không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ 2026 do thời gian có hạn cũng sẽ được Đoàn Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác đến cổ đông đưa ra câu hỏi, ý kiến đó.

Điều 6. Đoàn chủ tịch

- 6.1 Đoàn Chủ tịch bao gồm 03 người: 01 chủ tịch và 02 thành viên.
- 6.2 Chủ tịch HĐQT là người Chủ tọa của Đại hội (Chủ tịch đoàn). Chủ tịch đoàn điều hành Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- 6.3 Nhiệm vụ của đoàn Chủ tịch:
 - a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội thông qua;
 - b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- 6.4 Nguyên tắc làm việc của đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 7. Ban Thư ký Đại hội

- 7.1 Ban Thư ký gồm 02 người do Chủ tọa cử và thông báo để Đại hội biết. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.
- 7.2 Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa như ghi chép biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước Đại hội về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.
- 7.3 Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông, ban kiểm phiếu kiêm ban bầu cử

Ban kiểm tra tư cách cổ đông, ban kiểm phiếu kiêm ban bầu cử gồm 03 người, trong đó: 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

- ❖ Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông lựa chọn, chỉ định có chức năng và nhiệm vụ như sau:
 - a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Kiểm tra các giấy tờ có liên quan theo quy định tại Khoản 4.1 Điều 4 của Quy chế này.
 - b) Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tài liệu họp, Thẻ biểu quyết;
 - c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập Bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
- ❖ Ban kiểm phiếu kiêm ban bầu cử do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua trước Đại hội.
- Ban kiểm phiếu kiêm ban bầu cử phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông nếu để xảy ra sai phạm.
- Ban kiểm phiếu kiêm ban bầu cử có nhiệm vụ:
 - a) Hướng dẫn cổ đông đến tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết;
 - b) Thực hiện việc kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;

- c) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;
- d) Tổng hợp và Báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách Cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

- 10.1 Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày theo lịch cụ thể do ban tổ chức Đại hội thông báo.
- 10.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.
- 10.3 Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền muốn phát biểu ý kiến phải:
 - a) Đăng ký và nộp Phiếu đăng ký thảo luận tại Ban thư ký Đại hội. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu đã đăng ký trước trong giấy mời họp ĐHĐCĐ sẽ được ưu tiên phát biểu trước;
 - b) Được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
 - c) Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, đúng thời gian tham luận và phù hợp với Chương trình Đại hội.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

- 11.1 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.
- 11.2 Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 12. Biểu quyết và thông qua các vấn đề tại Đại hội

- 12.1 Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được phát một "Thẻ biểu quyết" có ghi mã số của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và tổng số cổ phần Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng. Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung cần được thông qua tại Đại hội.
- 12.2 **Phương thức giơ thẻ biểu quyết**
 - a) Các nội dung biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết:
 - ✓ Thông qua Chương trình đại hội;
 - ✓ Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch;
 - ✓ Thông qua danh sách Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu kiêm ban bầu cử;
 - ✓ Thông qua Quy chế tổ chức đại hội;
 - ✓ Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS;
 - ✓ Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - ✓ Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội (nếu có).
 - b) Cách biểu quyết bằng hình thức **giơ Thẻ biểu quyết**:
 - ✓ Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết lên cao. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến".
 - ✓ Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của cổ đông theo trình tự: "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến". Trường hợp cổ đông không giơ thẻ biểu quyết thì coi như không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến, cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần.
 - ✓ Ngay sau khi hoàn thành phần biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

12.3 Phương thức bỏ phiếu kín (Phiếu biểu quyết)

a) Các nội dung biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín:

- ✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026;
- ✓ Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2025 và KH SXKD năm 2026;
- ✓ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- ✓ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;
- ✓ Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2026;
- ✓ Tờ trình về việc ban hành Điều lệ mới;
- ✓ Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- ✓ Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- ✓ Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- ✓ Tờ trình về việc phê duyệt chủ trương giải thể Công ty TNHH Thông Nhất - Bắc Việt và Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị đại diện quyền lợi của Công ty thực hiện các thủ tục liên quan để thu hồi vốn đầu tư;
- ✓ Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025;
- ✓ Tờ trình về phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2026 - 2031;
- ✓ Tờ trình về việc chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối 2025
- ✓ Tờ trình miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội (nếu có).

b) Cách biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín (Phiếu biểu quyết):

- ✓ Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tích (✓) vào một trong các ô Tán thành/Không tán thành/ Không có ý kiến với vấn đề cần lấy biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết; Ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết;
- ✓ Sau khi hoàn thành, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu vào trong hòm phiếu được đặt tại phòng họp;
- ✓ Sau khi đảm bảo tất cả cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tham gia đại hội đã bỏ phiếu xong, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

12.4 Thể lệ biểu quyết

- a) Cú 01 (một) cổ phần tương đương với một biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự sẽ được cấp 01 Phiếu biểu quyết;
- b) Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;
- c) Riêng đối với các vấn đề sau của Đại hội được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **từ 65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - ✓ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - ✓ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - ✓ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - ✓ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - ✓ Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - ✓ Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu theo quy định.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 14. Trật tự Đại hội

- 14.1 Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do ban tổ chức Đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của ban tổ chức Đại hội.
- 14.2 Cổ đông có nhu cầu sao chép tài liệu, ghi âm phải đăng ký với Ban Chủ tọa và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có những thông tin sai lệch với nội dung Đại hội.
- 14.3 Giữ trật tự Đại hội, không sử dụng điện thoại di động trong quá trình họp. Tất cả các máy điện thoại khi mang vào cuộc họp phải để điện thoại ở chế độ rung.
- 14.4 Chấp hành quy chế tổ chức của ĐHĐCĐ và sự điều khiển cuộc họp của Chủ tọa.

Điều 15. Trường hợp tiến hành Đại hội không thành

- 15.1 Trường hợp cuộc họp Đại hội thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội thường niên năm 2026 lần 1 dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các Cổ đông và các đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 15.2 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 có quyền phê chuẩn.

CHƯƠNG V

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

- 16.1 Quy chế này gồm 05 Chương, 16 Điều được thông qua và có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội;
- 16.2 Chủ tọa có trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này;
- 16.3 Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026/BC-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội**

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội (HĐQT) xin trân trọng chào mừng toàn thể Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông về dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ) về hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 với các nội dung sau:

I. VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu HĐQT năm 2026 như sau:

1. Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đinh Vũ Minh Việt - Thành viên HĐQT
3. Ông Phí Trọng Thành - Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên HĐQT
5. Bà Vũ Thị Phương - Thành viên HĐQT

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Hội đồng Quản trị nhận định rằng trong năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng **ổn định và phục hồi tích cực**, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động. Các yếu tố nổi bật bao gồm:

- **Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá**, Chính phủ tiếp tục kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ sản xuất – kinh doanh và thúc đẩy tiêu dùng nội địa.
- **Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt**, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức tương đối ổn định, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tiếp cận vốn sản xuất kinh doanh.
- **Thu nhập và nhu cầu tiêu dùng của người dân dần cải thiện**, xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, phục vụ sức khỏe, thể thao và đi lại xanh ngày càng gia tăng.
- **Hướng tới minh bạch hóa thông tin, cơ sở dữ liệu**, hàng giả, hàng nhái, không rõ nguồn gốc xuất xứ bị kiểm soát chặt chẽ.

Để phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty đã nỗ lực rất nhiều để vượt qua mọi khó khăn. Tổng kết năm 2025, Công ty đã đạt mức doanh thu thuần là 219,6 tỷ đồng, sản lượng bán được hơn 172.400 xe đạp các loại. So sánh với cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần đã tăng trưởng 20% so với năm 2024. Thị trường xe đạp phía Nam sau 02 năm Công ty tiếp cận đã phát triển rất nhanh, ghi nhận bán gần 20.000 sản phẩm. Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế nói chung và của thị phần xe đạp nói riêng, việc công ty duy trì và tăng trưởng so với năm 2025 đã khẳng định cố gắng, nỗ lực của ban điều hành Công ty.

Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội

Add: Số 10B, P.Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | Web: www.thongnhat.com.vn

Tel: 024 - 3857.2699 | Fax: 024 - 3857.2744



Đồng thời Công ty cũng tập trung đổi mới, cải thiện mẫu mã sản phẩm để phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Trong năm vừa qua, Công ty đã phát triển thêm 15 mẫu sản phẩm mới để đa dạng hóa phân khúc sản phẩm, hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Hệ thống kho xưởng, máy móc trang thiết bị sản xuất cũng tiếp tục được sắp xếp lại, nâng cấp, sửa chữa nhằm đảm bảo sản lượng cũng như chất lượng sản phẩm. Công ty đã đầu tư mua sắm tài sản cố định hơn 6,1 tỷ đồng với hệ thống sản kho, hệ thống băng tải chuyên lưu khung...

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. Mặc dù còn nhiều khó khăn trong bối cảnh chung của nền kinh tế, nhưng Ban điều hành đã giúp công ty duy trì sự phát triển và ổn định được tình hình sản xuất kinh doanh cũng như đời sống của cán bộ công nhân viên.

HĐQT tin tưởng rằng với năng lực, phẩm chất và tinh thần cùng các giải pháp chắc chắn nhưng linh hoạt của Ban điều hành, Công ty sẽ từng bước tháo gỡ khó khăn, thách thức để nắm lấy những cơ hội trong thời gian tới.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Các Quyết định của HĐQT được ban hành theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở đảm bảo mọi lợi ích của Công ty. Trong năm 2025 HĐQT đã thông qua 10 Nghị quyết để điều hành và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (cụ thể tại bảng danh sách Nghị quyết 2025 đính kèm).

Đặc biệt, thực hiện chủ trương tập trung vốn, nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, HĐQT Công ty đã thực hiện đàm phán với đối tác là Công ty TNHH Thông Nhất - Bắc Việt để thu hồi phần lợi nhuận được phân phối từ hoạt động đầu tư số tiền 30 tỷ đồng.

V. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Công ty tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất xe đạp, chủ động tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác, phát triển kinh doanh các ngành nghề dựa trên nền tảng cơ khí có sẵn. Tiếp tục có các giải pháp để thu hồi vốn từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thông Nhất - Bắc Việt để tập trung vốn cho lĩnh vực chính.

HĐQT đã xác định công tác tăng cường giám sát, sát sao chỉ đạo các hoạt động đảm bảo an toàn tài chính, đào tạo nguồn nhân lực và tiếp tục đầu tư máy móc công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng cấp hệ thống kho bãi sẽ là yếu tố then chốt quyết định thành công của Công ty.

Song song với đó, việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, truyền thông, phát triển thương hiệu, nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ, không ngừng chỉ đạo Ban điều hành sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động cũng được HĐQT đặc biệt quan tâm.

Đồng thời, HĐQT xác định tiếp tục việc thu hồi vốn đầu tư từ Công ty TNHH Thông Nhất - Bắc Việt để tập trung toàn bộ nguồn lực cho hoạt động sản xuất - kinh doanh chính của Công ty trong năm 2026.

Một số chỉ tiêu tài chính cho năm 2026 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐVT: ĐỒNG)
1	Tổng sản lượng xe bán ra (ĐVT: chiếc)	220.000
2	Tổng doanh thu	320.000.000.000
3	Tổng chi phí	309.000.000.000
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.000.000.000

Trên đây là báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để HĐQT hoàn thiện báo cáo làm căn cứ thực hiện.

Thay mặt HĐQT, xin gửi lời cảm ơn đến các Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó cùng Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội trong năm qua. Xin chúc các Quý vị cổ đông, các vị khách quý mạnh khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng. Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Hội đồng quản trị chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu P. NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Ngọc Tú

DANH SÁCH NGHỊ QUYẾT HĐQT 2025

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-TN-HĐQT	27/03/2025	Thông qua việc Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025	100%
02	01A/NQ-TN -HĐQT	31/3/2025	Thông qua phê duyệt phương án cho Công ty Cổ phần Tiny cafe thuê mặt bằng tại số 10B phố Tràng Thi	100%
03	010425/NQ-HĐQT/TNBike	10/4/2025	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	100%
04	02/NQ-TN-HĐQT	17/4/2025	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025: Ngày đăng ký chốt DS CĐ: 08/5; Ngày đại hội: 18/6/2025	100%
05	02A/NQ-TN-HĐQT	23/4/2025	Thông qua việc chấm dứt hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Tiny cafe	100%
06	03/NQ-TN-HĐQT	29/4/2025	Thông qua trình Đại hội đồng cổ đông 2025 miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Phạm Văn Minh, bầu bổ sung 01 thành viên thay ông Minh	100%
07	04/NQ-TN-HĐQT	05/5/2025	Thông qua trình Đại hội đồng cổ đông 2025 miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Vũ Hà Nam, bầu bổ sung 01 thành viên thay ông Nam, miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Nguyễn Hồ Ngọc, bầu bổ sung 01 thành viên thay ông Ngọc	100%
08	05/NQ-TN-HĐQT	03/6/2025	Thông qua phương án vay vốn, phát hành bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trảng An	100%
09	06/NQ-TN-HĐQT	03/9/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng cho Nhà máy tại Lô A2CN3 cụm công nghiệp Tứ Liêm, Xuân Phương, Hà Nội - Thông qua chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị phục vụ công tác lắp ráp và lưu kho cho VP miền Nam tại Lô 31 đường số 3 KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo, TP HCM - Dự kiến ngân sách cho hai chủ trương trên. 	100%
10	07/NQ-TN-HĐQT	30/11/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua xử lý tài chính khoản nợ phải thu không thu hồi được từ Công ty CP SXDV & TM Thiên Lam: 6.178.649.575 đồng - Thông qua việc xử lý chính khoản nợ phải thu không thu hồi được của các đối tượng khác: 1.956.932.543 đồng 	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI
BAN ĐIỀU HÀNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/BC-TN-BĐH

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội

Ban Điều hành xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ) về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty

1.1 Thuận lợi:

Công ty đầu tư bổ sung, củng cố như cải tiến nhiều công nghệ, máy móc, áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị sản xuất kinh doanh;

Các chương trình marketing được thực hiện có chiều sâu, tương tác trực tiếp tới người tiêu dùng, cùng nhiều hoạt động đồng hành cùng đại lý, nhà phân phối góp phần gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu vì vậy sản lượng, doanh thu của Công ty có sự tăng trưởng hơn, tăng tính cạnh tranh với nhiều đối thủ trên thị trường;

Công ty tiếp tục giữ vững thị phần ở thị trường Miền Bắc đồng thời phát triển phân phối hàng tại Miền Nam theo chiều sâu thông qua các kênh bán hàng đa dạng trên toàn quốc, nhờ đó sản phẩm của Công ty đã hiện diện và tăng độ nhận diện thương hiệu tại tất cả các tỉnh thành trên cả nước.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân cùng với những cải cách thủ tục hành chính toàn diện đã tạo động lực thúc đẩy kinh tế tư nhân Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội nói riêng nhiều cơ hội phát triển, đóng góp tích cực cho sự vươn lên của nền kinh tế quốc gia trong kỷ nguyên mới. Cùng với đó, các chính sách chống hàng giả, hàng nhái của Chính phủ đã giúp thị trường trở nên cạnh tranh công bằng hơn, qua đó gián tiếp giúp Công ty gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

1.2 Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi như đã nêu ở trên, Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, cụ thể như sau:

Do ảnh hưởng từ thị trường xuất khẩu quốc tế, một lượng lớn hàng tồn kho từ thị trường Trung Quốc tràn sang Việt Nam khiến thị trường có tính cạnh tranh cao. Tình trạng hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng hóa tiểu ngạch không hóa đơn chứng từ vẫn còn tồn đọng nên sự cạnh tranh trên thị trường vẫn rất gay gắt và khốc liệt.

Từ các căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là tình hình căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc dẫn đến chuỗi cung ứng nguyên vật liệu trên toàn cầu bị ảnh hưởng, giá nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước khiến tỷ giá biến động mạnh gần giai đoạn cuối năm ảnh hưởng rất lớn tới biên lợi nhuận của công ty.

Công ty còn 117 tỷ tiền đầu tư ngoài ngành (chiếm 33,23% tổng tài sản của Công ty) nên vẫn phải đi vay với lãi suất khá cao (một năm chịu hơn 3,89 tỷ chi phí lãi vay).

2. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025

2.1 Công tác bán hàng:

Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tìm kiếm, duy trì hệ thống đại lý ở Miền Bắc và mở rộng và sâu vào thị trường Miền Nam, phù hợp với các khách hàng dự án. Nhờ những nỗ lực đó, năm 2025 công ty đã đạt được một số kết quả như sau:

- Bán được hơn 172.400 xe đạp, doanh thu thuần ghi nhận 219,6 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ năm trước;
- Mở rộng hệ thống đại lý phân phối ở cả hai miền Nam Bắc, hợp tác với các hãng bán lẻ lớn và chuyên nghiệp như AEON và Điện máy xanh... đưa sản phẩm xe đạp Thống Nhất có mặt khắp các tỉnh thành trên toàn quốc;
- Tổ chức chương trình hội nghị khách hàng trong Quý 4 năm 2025 giúp gắn kết, tri ân các Khách hàng đại lý đã đồng hành cùng Thống Nhất và khẳng định sự chuyên nghiệp, tạo dựng niềm tin trong lòng Khách hàng.

2.2 Công tác sản xuất:

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì sắp xếp lại kho tàng, nhà xưởng đảm bảo ngăn nắp, khoa học và thuận tiện cho công tác sản xuất. Công ty chú trọng việc nâng cấp và sửa chữa những máy móc, thiết bị đã lạc hậu để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm;

Nhiều cải tiến kỹ thuật được áp dụng đã cơ bản thay đổi công nghệ sản xuất, giúp giảm thời gian, tăng năng suất và cho ra những sản phẩm có chất lượng cao hơn;

Áp dụng thực hiện 5S, 4M vào trong công tác sản xuất, ban hành định mức vật tư chính, bố trí máy móc và sắp xếp lại mặt bằng các phân xưởng giúp cải thiện lưu trình sản xuất, gia tăng năng suất;

Đầu tư hơn 6,1 tỷ đồng cho việc mua sắm hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm quản lý sản xuất mới để tăng năng suất như hệ thống băng tải treo lưu khung; hệ thống sản kho....

2.3 Chính sách nhân sự:

Cơ cấu quản lý đang từng bước được tái cấu trúc theo hướng tinh gọn. Công ty đã ban hành thêm nhiều quy chế, quy trình, quy định nhằm nâng cao chất lượng của công tác quản lý. Ban lãnh đạo và các cấp quản lý quan tâm, gần gũi với CBCNV để lắng nghe cũng như tiếp thu các ý kiến đóng góp để không ngừng hoàn thiện cơ chế và hệ thống quản lý;

Tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ nhân viên, quản lý cấp trung, cấp cao được thực hiện nhằm từng bước hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của công ty trong giai đoạn phát triển tiếp theo;

Áp dụng nhiều chính sách, chế độ phúc lợi mới để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với công ty.

2.4 Công tác tài chính, kế toán:

Như đã phân tích ở trên, năm 2025 Công ty đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng bằng sự nỗ lực của ban điều hành, doanh thu thuần từ bán hàng tăng trưởng 20% so với năm 2024. Đặc biệt, thực hiện chủ trương nhất quán về việc tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, Công ty đã đàm phán với đối tác để ghi nhận doanh thu tài chính từ phần lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết là Công ty TNHH Thông Nhất – Bắc Việt số tiền 30 tỷ đồng, cụ thể:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.598.734.686
2	Giá vốn hàng bán	179.242.764.658
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.355.970.028
4	Doanh thu hoạt động tài chính	30.409.146.614
5	Chi phí tài chính	3.889.466.163
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.889.466.163</i>
6	Chi phí bán hàng	18.004.966.940
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.632.612.694
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.238.070.845
9	Thu nhập khác	66.726.255
10	Chi phí khác	855.720.770
11	Lợi nhuận khác	(788.994.515)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.449.076.330
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.050.314.420
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.398.761.910

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Kế hoạch các chỉ tiêu tài chính năm 2026

Năm 2026, Công ty dự kiến sẽ đạt được một số kết quả như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
1	Tổng doanh thu	320.000.000.000
2	Tổng chi phí	309.000.000.000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.000.000.000

2. Giải pháp thực hiện

Tập trung chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng/ban và các phòng/ban giao kế hoạch cụ thể cho từng CBCNV, cụ thể như sau:

2.1 Đối với bộ phận bán hàng và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, đặc biệt là thị trường mới miền Nam. Phát triển các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa phân khúc sản phẩm với định hướng trong giai đoạn hiện tại là tập trung chủ yếu vào dòng xe trung cấp và bình dân;
- Mục tiêu bán được 220.000 xe;
- Cho ra mắt: từ 5 đến 10 sản phẩm mới;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối trên toàn quốc;
- Tìm kiếm và xuất khẩu ra thị trường quốc tế;
- Duy trì và giữ vững uy tín, thương hiệu và nâng cao vị thế trên thị trường;
- Thực hiện các chương trình marketing giúp cho thương hiệu xe đạp Thông Nhất lan tỏa đến cộng đồng và ăn sâu vào tiềm thức của người tiêu dùng;
- Tìm kiếm các nhà phân phối, đối tác có kinh nghiệm, có sự gắn bó lâu dài với sản phẩm của Công ty để giảm thiểu chi phí vận chuyển, nâng cao khả năng phân phối của Công ty đến tất cả các vùng, miền trên cả nước;
- Nghiên cứu các dòng sản phẩm mới phù hợp thị hiếu người tiêu dùng, đặc biệt tập trung nghiên cứu phát triển xe đạp trợ lực điện;
- Đẩy mạnh chính sách bảo hành và các chính sách, dịch vụ sau bán hàng khác.

2.2 Đối với Bộ phận mua hàng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống chuỗi các nhà cung cấp với chất lượng đảm bảo, giá cả phù hợp; tìm kiếm các nguồn nguyên liệu mới, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, từng bước tiếp cận các nguồn nguyên vật liệu đảm bảo chỉ tiêu xuất khẩu tới các thị trường Mỹ, Châu Âu....

2.3 Đối với Bộ phận sản xuất:

- Đảm bảo năng suất và chất lượng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của bộ phận bán hàng;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;
- Đồng thời với việc nâng cấp máy móc thiết bị, Công ty tập trung chủ yếu vào nâng cao chất lượng sản phẩm, đưa việc sản xuất vào quản lý theo tiêu chuẩn hiện đại, áp dụng những mô hình quản lý sản xuất tiên tiến trên thế giới, tinh gọn bộ máy để nâng cao hiệu quả, năng suất làm việc của người lao động, qua đó gián tiếp nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

2.4 Đối với Bộ phận nhân sự:

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số toàn diện, có sự tham gia tích cực từ ban lãnh đạo, toàn bộ các phòng ban, cán bộ nhân viên;
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp, định hướng xây dựng môi trường làm việc của công ty theo mô hình chuyên nghiệp, năng động, hiện đại.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Ban điều hành.

Ban điều hành báo cáo và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban điều hành;
- Lưu P.NS.

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Vũ Minh Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/BC-TN-BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống nhất Hà Nội sau đây gọi tắt là Công ty;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2025 được cung cấp bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam ngày 20/01/2026.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2026 như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Nhiệm vụ đã thực hiện trong năm 2025

Ban kiểm soát với 03 thành viên đã thực hiện công việc theo chức năng và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị công ty. Các công việc cụ thể đã thực hiện:

- Thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Cử thành viên đại diện tham dự các cuộc họp hàng kỳ và các cuộc họp bất thường để giám sát và đưa ra các kiến nghị kịp thời trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2025;
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành;
- Giám sát và đôn đốc thường xuyên tình hình thu hồi công nợ tại Công ty, tiến độ bàn giao từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét và thẩm tra Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam;

Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà NộiAdd: Số 10B, P.Trảng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | Web: www.thongnhat.com.vn

Tel: 024 - 3857.2699 | Fax: 024 - 3857.2744

- Trong năm 2025, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc quản trị điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

2. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

2.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.

Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
- Tiền và các khoản tương đương tiền	22.577.795.060	13.469.348.268
- Phải thu khách hàng	8.000.193.684	20.500.227.225
- Các khoản phải thu ngắn hạn	239.259.726	340.953.067
- Trả trước cho người bán	3.036.236.700	2.033.150.049
- Hàng tồn kho	106.123.150.595	74.118.886.914
- Tài sản ngắn hạn khác	3.133.407.677	1.832.351.318
- Tài sản cố định	59.410.212.746	58.944.760.959
- Đầu tư tài chính dài hạn	117.025.553.713	117.025.553.713
- Tài sản dài hạn khác	3.442.781.700	4.437.501.114
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.624.687.253	5.617.417.563
Tổng nguồn vốn	352.179.878.854	296.997.943.071
- Nợ ngắn hạn	101.776.273.940	79.993.100.067
- Nguồn vốn chủ sở hữu	250.403.604.914	217.004.843.004
<i>Trong đó:</i>		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	237.000.000.000	237.000.000.000
+ Lợi nhuận chưa phân phối	13.396.012.147	(20.002.749.763)

(Nguồn: Trích BCTC đã được kiểm toán năm 2025)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	219.598.734.686	182.721.191.151
- Doanh thu tài chính	30.409.146.614	534.800.534
- Thu nhập khác	66.726.255	81.019.763
Tổng cộng doanh thu	250.074.607.555	183.337.011.448
Chi phí		
- Giá vốn hàng bán	179.242.764.658	150.320.463.527

Chi tiêu	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí hoạt động tài chính	3.889.466.163	3.421.091.024
- Chi phí bán hàng	18.004.966.940	12.212.130.933
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.632.612.694	12.354.396.848
- Chi phí khác	855.720.770	717.492.528
Tổng cộng chi phí	215.625.531.225	179.025.574.860
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.449.076.330	4.311.436.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.050.314.420	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	33.398.761.910	4.311.436.588

(Nguồn: Trích BCTC đã được kiểm toán năm 2025)

Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam về Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 là ý kiến ngoại trừ, cụ thể như sau:

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ"

Đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt.

Chúng tôi không thực hiện được công tác kiểm toán đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở xác định liệu có cần phải điều chỉnh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

(Nguồn: Trích BCTC đã được kiểm toán năm 2025)

2.2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2025, các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được ghi nhận đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

3.1 Kết quả giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT)

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật;
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ phù hợp với yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

3.2 Kết quả giám sát Ban Điều hành

- Ban Điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, chủ động lập kế hoạch quản lý, kiến toàn bộ máy nhân sự;
- Ban Điều hành thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong tháng, đồng thời đưa ra những chỉ đạo và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong công tác sản xuất kinh doanh;
- Ban Điều hành Công ty đã xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng ban trong Công ty, nội quy lao động và một số quy chế, quy định khác thuộc thẩm quyền.

4. Đánh giá sự phối hợp của Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã được Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, được cung cấp đầy đủ thông tin qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban điều hành, qua các nghị quyết, quyết định, các văn bản hướng dẫn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty và các Phòng/Ban/Đơn vị chức năng có liên quan khác.

PHẦN II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, để thực hiện mục tiêu phát triển Công ty và nhằm bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban điều hành như sau:

1. Đối với các khoản đầu tư

Căn cứ vào báo cáo số 01/HĐTV ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt v/v báo cáo tình hình hoạt động năm 2025 và kiến nghị xem xét phương án giải thể Công ty này trong năm 2026, Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị & Ban Điều hành trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phương án thu hồi giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt để dành nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

2. Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- HĐQT và Ban Điều hành tiếp tục tăng cường công tác quản trị và điều hành, tạo điều kiện để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu tài chính mà Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích tối đa cho công ty và cổ đông của công ty;
- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả cao;
- Khai thác tối đa lợi thế tại các vị trí kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường quản trị công nợ, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Tập trung phát triển dự án chiến lược, dài hạn về xe đạp sang những thị trường tiềm năng khác;
- Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;

- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

1. Nâng cao năng lực và hiệu quả làm việc của từng thành viên Ban Kiểm soát;
2. Thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; các nghị quyết, quyết định và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
3. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ chế độ, chính sách của Nhà nước, tuân thủ quy chế, quy trình nghiệp vụ và việc tuân thủ các văn bản hướng dẫn của Ban điều hành. Đảm bảo công tác kiểm tra, kiểm soát diễn ra theo một trình tự hợp lý, minh bạch và đạt hiệu quả cao;
4. Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên kỳ tới Ban Kiểm Soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026;
5. Giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Ban điều hành có phù hợp với điều lệ của Công ty, phù hợp với chế độ hiện hành;
6. Giám sát quá trình công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026;
7. Xác định, đánh giá tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của các thông tin trên báo cáo tài chính và báo cáo nghiệp vụ của Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo kiểm toán định kỳ hàng năm của Công ty;
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Ban kiểm soát chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Lưu P.NS, BKS.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2026/TTr-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

Hội đồng quản trị đã phê duyệt Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội cho năm tài chính 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán. Báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ nội dung cụ thể như sau:

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ"

Đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt.

Chúng tôi không thực hiện được công tác kiểm toán đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở xác định liệu có cần phải điều chỉnh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."



Căn cứ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Ngọc Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10-26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty cổ phần Thống nhất Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 05/03/2025. Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần từ 27/02/2017.

Trụ sở chính

Số 10B, phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	
Ông	Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ tháng 6/2025
Ông	Vũ Hà Nam	Thành viên	Miễn nhiệm từ tháng 6/2025
Ông	Phí Trọng Thành	Thành viên	
Ông	Đình Vũ Minh Việt	Thành viên	
Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025
Bà	Vũ Thị Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đình Vũ Minh Việt	Tổng Giám đốc
Ông	Phí Trọng Thành	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Hồ Ngọc	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ tháng 6/2025
Bà	Nguyễn Thị Hồng Thuý	Trưởng ban	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025
Ông	Chu Văn Vượng	Thành viên	
Ông	Bùi Ngọc Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025

Đại diện theo pháp luật

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT
-----	------------	---------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tráng Thi, Phường Hoàn Kiếm,

TP. Hà Nội, Việt Nam

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 

Đinh Vũ Minh Việt

Số: 113 /BCKT-TC/AVA.NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được lập ngày 05/01/2026, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt.

Chúng tôi không thực hiện được công tác kiểm toán đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng nếu có và các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2025.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán số
0373-2023-126-1
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Xuân Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán số
4907-2024-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: đồng Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.310.043.442	110.606.109.722
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.577.795.060	13.469.348.268
1. Tiền	111		2.577.795.060	13.469.348.268
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.200.000.000	6.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.200.000.000	6.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.275.690.110	14.685.523.222
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.000.193.684	20.500.227.225
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	3.036.236.700	2.033.150.049
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	239.259.726	340.953.067
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	-	(8.188.807.119)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	106.123.150.595	74.118.886.914
1. Hàng tồn kho	141		106.123.150.595	74.118.886.914
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.133.407.677	1.832.351.318
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	393.946.992	707.064.721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.416.402.718	346.185.569
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	323.057.967	779.101.028
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		196.869.835.412	186.391.833.349
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		366.600.000	366.600.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	366.600.000	366.600.000
II. Tài sản cố định	220		59.410.212.746	58.944.760.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	56.765.105.259	57.456.523.464
- Nguyên giá	222		110.500.212.570	105.914.676.995
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.735.107.311)	(48.458.153.531)
7. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.645.107.487	1.488.237.495
- Nguyên giá	228		3.230.520.000	1.680.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(585.412.513)	(192.282.505)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.624.687.253	5.617.417.563
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	16.624.687.253	5.617.417.563
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		117.025.553.713	117.025.553.713
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	117.025.553.713	117.025.553.713
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.442.781.700	4.437.501.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.442.781.700	4.437.501.114
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		352.179.878.854	296.997.943.071

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: đồng Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		101.776.273.940	79.993.100.067
I. Nợ ngắn hạn	310		101.776.273.940	79.993.100.067
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.692.086.576	7.239.063.564
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		72.776.299	783.797.792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	292.902.515	71.753.965
4. Phải trả người lao động	314		2.839.490.290	1.738.701.132
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	435.170.854	70.153.354
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	26.187.617	156.396.896
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	68.417.426.515	65.872.182.654
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		233.274	4.061.050.710
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		250.403.604.914	217.004.843.004
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	250.403.604.914	217.004.843.004
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.000.000.000	237.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.000.000.000	237.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.592.767	7.592.767
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.396.012.147	(20.002.749.763)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.002.749.763)	(24.314.186.351)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.398.761.910	4.311.436.588
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		352.179.878.854	296.997.943.071

Người lập biểu

Trần Thành Trung

Kế toán trưởng

Trần Thành Trung



Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

Đinh Vũ Minh Việt

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	219.768.638.716	182.861.982.691
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	169.904.030	140.791.540
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		219.598.734.686	182.721.191.151
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	179.242.764.658	150.320.463.527
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40.355.970.028	32.400.727.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	30.409.146.614	534.800.534
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.889.466.163	3.421.091.024
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.889.466.163	3.421.091.024
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	18.004.966.940	12.212.130.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.632.612.694	12.354.396.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		35.238.070.845	4.947.909.353
11. Thu nhập khác	31	VI.8	66.726.255	81.019.763
12. Chi phí khác	32	VI.9	855.720.770	717.492.528
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(788.994.515)	(636.472.765)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.449.076.330	4.311.436.588
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.050.314.420	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		33.398.761.910	4.311.436.588
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	1.409	182
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.409	182

Người lập biểu

Trần Thành Trung

Kế toán trưởng

Trần Thành Trung

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

Đinh Vũ Minh Việt



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.449.076.330	4.311.436.588
2. Điều chỉnh cho các khoản			(20.849.596.663)	7.507.370.594
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.670.083.788	4.822.541.603
- Các khoản dự phòng	03		-	53.225.001
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.409.146.614)	(789.487.034)
- Chi phí lãi vay	06		3.889.466.163	3.421.091.024
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.599.479.667	11.818.807.182
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.034.918.750	209.291.454
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.004.263.681)	(6.730.874.081)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.027.523.668	465.691.626
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.307.837.143	1.093.266.420
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.816.762.736)	(3.421.091.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(851.794.067)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.060.817.436)	(1.981.516.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(763.878.692)	1.453.574.681
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.142.805.265)	(7.812.498.845)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	58.490.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của DV khác	23		(5.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		30.169.886.888	628.667.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.327.081.623	(4.125.340.993)
1. Tiền thu từ đi vay	33		147.245.376.866	139.460.036.803
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(144.700.133.005)	(127.993.660.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.545.243.861	11.466.376.506
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		9.108.446.792	8.794.610.194
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.469.348.268	4.674.738.074
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		22.577.795.060	13.469.348.268

Người lập biên



Trần Thành Trung

Kế toán trưởng



Trần Thành Trung



Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

Đinh Vũ Minh Việt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thông nhất Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 05/03/2025. Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần từ 27/02/2017.

Trụ sở chính của Công ty: Số 10B, phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty:

Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 là 237.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lĩnh vực và ngành nghề hoạt động kinh doanh và các nhiệm vụ của Công ty là:

Sản xuất xe đạp;

Sản xuất xe có động cơ; sản xuất thân xe có động cơ; rơ moóc và bán rơ moóc;

Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ; Sản xuất ô tô, xe máy.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Tổng số cán bộ nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 161 người (tại ngày 31/12/2024 là 146 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

c) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Chênh lệch giữa doanh thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d) Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTDB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

a) Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

b) Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

1.	Tiền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tiền mặt tại quỹ	644.826.958		892.938.344	
	Tiền gửi ngân hàng	1.932.968.102		12.576.409.924	
	Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000		-	
	Cộng	22.577.795.060		13.469.348.268	
2.	Các khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
2.1	Đầu tư ngắn hạn				
	Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.200.000.000		6.500.000.000	
	Cộng	12.200.000.000		6.500.000.000	
(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,8 - 5,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.					
2.2	Đầu tư vào công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt (*)	117.025.553.713	-	117.025.553.713	-
	Cộng	117.025.553.713	-	117.025.553.713	-
(*)	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh chính	
				Kinh doanh bất động sản	
	Hà Nội	30%	30%		
3.	Phải thu của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Ngắn hạn				
	Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam	-	-	6.178.649.575	(6.178.649.575)
	Nhóm khách hàng khác	8.000.193.684	-	14.321.577.650	(2.010.157.544)
	Cộng	8.000.193.684	-	20.500.227.225	(8.188.807.119)
4.	Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam	-	-	6.178.649.575	-
	Nhóm khách hàng khác	-	-	2.010.157.544	-
	Cộng	-	-	8.188.807.119	-
5.	Trả trước cho người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Ngắn hạn				
	Zhongxin Power (Tianjin) Bicycle Co.,Ltd	1.139.074.919		-	
	Shenzhen Cyclemaker Technology Co.,Ltd	611.445.237		-	
	Shimano (Singapore) Pte.Ltd	344.955.195		-	
	Hebei Tienin Bicycle Industry Co., Ltd.	-		693.315.164	
	Trả trước khác	940.761.349		1.339.834.885	
	Cộng	3.036.236.700		2.033.150.049	

6.	Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Khoản mục				
	Ngắn hạn				
	Ký cược, ký quỹ	-		16.166.019	
	Phải thu về BHXH	-		30.216.625	
	Phải thu về BHYT	-		1.267.923	
	Phải thu về BHTN	-		162.571.038	
	Lãi dự thu	239.259.726		130.731.462	
	Phải thu khác (Dư nợ 138)	-		-	
	Cộng	239.259.726	-	340.953.067	-
	Dài hạn				
	Ký cược, ký quỹ	366.600.000	-	366.600.000	-
	Cộng	366.600.000	-	366.600.000	-
7.	Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Khoản mục				
	Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
	Nguyên liệu vật liệu	83.117.915.681	-	49.710.041.103	-
	Chi phí SXKD dở dang	1.595.323.812	-	1.975.106.604	-
	Thành phẩm	3.410.140.536	-	4.373.663.178	-
	Hàng hóa	17.999.770.566	-	18.060.076.029	-
	Cộng	106.123.150.595	-	74.118.886.914	-
8.	Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Ngắn hạn				
	Công cụ dụng cụ	128.172.662		358.861.345	
	Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác	265.774.330		348.203.376	
	Cộng	393.946.992		707.064.721	
	Dài hạn				
	Chi phí quảng cáo, truyền thông	189.933.432		1.324.698.127	
	Công cụ dụng cụ	275.013.592		754.290.280	
	Giá trị thương hiệu	308.616.358		462.924.526	
	Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.898.882.450		1.520.278.766	
	Chi phí trả trước dài hạn khác	770.335.868		375.309.415	
	Cộng	3.442.781.700		4.437.501.114	
9.	Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại Phụ lục 01)				
10.	Tăng giảm tài sản cố định vô hình				Phần mềm
	Nguyên giá				1.680.520.000
	Số đầu năm				1.550.000.000
	Tăng trong năm				3.230.520.000
	Số cuối năm				3.230.520.000
	Giá trị hao mòn lũy kế				192.282.505
	Số đầu năm				393.130.008
	Trích khấu hao năm				585.412.513
	Số cuối năm				585.412.513
	Giá trị còn lại				1.488.237.495
	Số đầu năm				2.645.107.487
	Số cuối năm				2.645.107.487

11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	5.473.523.028	5.217.417.563
Tòa nhà văn phòng số 10B Tràng Thi	5.006.750.000	-
Hệ thống băng tải treo	5.744.414.225	-
Hệ thống sàn kho phân xưởng khung	400.000.000	400.000.000
Mua sắm tài sản cố định	16.624.687.253	5.617.417.563
Cộng		

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Đại Phong Kiệt	4.684.556.945	4.684.556.945	147.352.150	147.352.150
Ningbo Youngor International Trade & Transportation Co., Ltd	5.811.314.765	5.811.314.765	-	-
Công ty TNHH DHP Việt Nam	1.988.694.778	1.988.694.778	1.697.099.005	1.697.099.005
Công ty TNHH Cơ Khí Centech Việt Nam	2.546.008.649	2.546.008.649	1.691.643.800	1.691.643.800
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.661.511.439	14.661.511.439	3.702.968.609	3.702.968.609
Cộng	29.692.086.576	29.692.086.576	7.239.063.564	7.239.063.564

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.743.913	1.148.103.101	949.582.748	231.264.266
Thuế thu nhập cá nhân	39.010.052	37.576.240	33.827.077	42.759.215
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.775.441.484	2.098.499.451	(323.057.967)
Thuế phí khác	-	66.983.913	48.104.879	18.879.034
Cộng	71.753.965	3.028.104.738	3.130.014.155	(30.155.452)
Thuế được khấu trừ	Số đầu năm	Số phải thu	Số đã thu	Số cuối năm
Thuế GTGT	779.101.028			779.101.028
Cộng	779.101.028	-	-	779.101.028

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	72.703.427	-
Chi phí phải trả khác	362.467.427	70.153.354
Cộng	435.170.854	70.153.354

15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	26.187.617	22.812.534
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	133.584.362
Cộng	26.187.617	156.396.896

16. Vay và nợ thuê tài chính (Chi tiết tại Phụ lục 02)

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước				
Số đầu năm	237.000.000.000	7.592.767	(24.314.186.351)	212.693.406.416
Lãi/(lỗ) trong năm			4.311.436.588	4.311.436.588
Số cuối năm	237.000.000.000	7.592.767	(20.002.749.763)	217.004.843.004
Năm nay				
Số đầu năm	237.000.000.000	7.592.767	(20.002.749.763)	217.004.843.004
Lãi/(lỗ) trong năm			33.398.761.910	33.398.761.910
Số cuối năm	237.000.000.000	7.592.767	13.396.012.147	250.403.604.914

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
UBND Thành phố Hà Nội	45,00%	106.650.000.000	45,00%	106.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư VSD	41,68%	98.792.250.000	41,68%	98.792.250.000
Các cổ đông khác	13,32%	31.557.750.000	13,32%	31.557.750.000
Cộng	100%	237.000.000.000	100%	237.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

Năm nay	Năm trước
237.000.000.000	237.000.000.000
-	-
-	-
237.000.000.000	237.000.000.000

17.4 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu(VND)

Số cuối năm	Số đầu năm
23.700.000	23.700.000
23.700.000	23.700.000
23.700.000	23.700.000
10.000	10.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý (*)

Công ty CP Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam

Đối tượng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
6.178.649.575	-
1.956.932.543	-
8.135.582.118	-

(*) Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không thu hồi được (từ trước cổ phần hóa) đã được trích lập dự phòng đến hết năm 2021 theo Nghị quyết số 07/NQ-TN-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 30/11/2025.

VL Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

L		Năm nay	Năm trước
1.	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Doanh thu thương mại	219.760.722.049	182.765.063.344
	Doanh thu dịch vụ	7.916.667	96.919.347
	Cộng	219.768.638.716	182.861.982.691
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Chiết khấu thương mại	167.415.789	138.944.966
	Hàng bán bị trả lại	2.488.241	1.846.574
	Cộng	169.904.030	140.791.540
3.	Giá vốn		
	Giá vốn thương mại	179.242.764.658	150.320.463.527
	Cộng	179.242.764.658	150.320.463.527
4.	Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	409.146.614	534.800.534
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000.000	-
	Cộng	30.409.146.614	534.800.534
5.	Chi phí tài chính		
	Lãi vay	3.889.466.163	3.421.091.024
	Cộng	3.889.466.163	3.421.091.024
6.	Chi phí bán hàng		
	Chi phí công cụ, dụng cụ	2.572.791.155	1.383.080.041
	Chi phí nhân công	481.555.556	438.315.408
	Chi phí khấu hao	12.971.294.841	8.927.855.960
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.979.325.388	1.462.879.524
	Chi phí bằng tiền khác	18.004.966.940	12.212.130.933
	Cộng		
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí nguyên vật liệu	139.468.272	171.035.464
	Chi phí nhân viên quản lý	6.939.887.505	7.180.059.854
	Chi phí khấu hao TSCĐ	916.617.930	650.223.373
	Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	53.225.001
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.202.481.912	3.703.628.537
	Chi phí bằng tiền khác	1.434.157.075	596.224.619
	Cộng	13.632.612.694	12.354.396.848
8.	Thu nhập khác		
	Thu thanh lý tài sản	-	81.018.925
	Thu nhập khác	66.726.255	838
	Cộng	66.726.255	81.019.763

	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí khác	838.407.523	684.019.367
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng	17.313.247	33.473.161
Các khoản khác	855.720.770	717.492.528
Cộng		
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	34.449.076.330	4.311.436.588
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	855.720.770	717.492.528
Các khoản điều chỉnh tăng	855.720.770	717.492.528
Chi phí không được trừ	30.053.225.001	5.028.929.116
Các khoản điều chỉnh giảm	30.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.028.929.116
Chuyển lỗ	53.225.001	-
Các khoản điều chỉnh giảm khác	5.251.572.099	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.050.314.420	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	1.050.314.420	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.398.761.910	4.311.436.588
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.398.761.910	4.311.436.588
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	23.700.000	23.700.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.409	182
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	171.867.688.029	131.155.696.012
Chi phí nhân công	25.604.557.006	23.044.486.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.670.083.788	4.822.541.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền, chi phí khác	27.942.905.113	14.792.140.845
Cộng	231.085.233.936	173.814.864.965

VII. Những thông tin khác

- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.
- Báo cáo bộ phận (Phụ lục 03)
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị (Phụ lục số 04)

4. Thông tin so sánh
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.
Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Trần Thành Trung

Kế toán trưởng

Trần Thành Trung



Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026
Tổng Giám đốc

Đinh Vũ Minh Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

PHỤ LỤC SỐ 01

Đơn vị tính: VND

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

TT	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng tài sản cố định hữu hình
I	Nguyên giá TSCĐ						105.914.676.995
1	Số đầu năm	56.445.653.164	40.454.096.783	6.109.567.749	1.732.254.636	1.173.104.663	3.201.928.343
2	Tăng trong năm	907.403.259	1.186.020.640	932.104.444	176.400.000		1.383.607.232
3	Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.383.607.232					
4	Số cuối năm	58.736.663.655	41.640.117.423	7.041.672.193	1.908.654.636	1.173.104.663	110.500.212.570
II	Hao mòn TSCĐ						48.458.153.531
1	Số đầu năm	20.305.001.963	24.165.991.453	2.376.546.806	753.310.935	857.302.374	5.276.953.780
2	Tăng trong năm	1.656.982.784	2.710.578.417	648.877.201	204.441.756	56.073.622	5.276.953.780
	- Do trích khấu hao TSCĐ	1.656.982.784	2.710.578.417	648.877.201	204.441.756	56.073.622	
3	Số cuối năm	21.961.984.747	26.876.569.870	3.025.424.007	957.752.691	913.375.996	53.735.107.311
III	Giá trị còn lại						57.456.523.464
1	Số đầu năm	36.140.651.201	16.288.105.330	3.733.020.943	978.943.701	315.802.289	56.765.105.259
2	Số cuối năm	36.774.678.908	14.763.547.553	4.016.248.186	950.901.945	259.728.667	21.063.349.495
	Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025	1.153.251.200	18.795.871.182	386.172.113		728.055.000	

16 VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND			
		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số tiền	Số có khả năng trả	Vay vào	Trả nợ vay
I	VAY NGẮN HẠN	68.417.426.515	68.417.426.515	147.245.376.866	144.700.133.005
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	30.904.861.790	30.904.861.790	69.213.640.182	66.369.106.859
1	(1)	37.512.564.725	37.512.564.725	78.031.736.684	78.331.026.146
2	Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)	68.417.426.515	68.417.426.515	147.245.376.866	144.700.133.005
	Tổng cộng (I+II)			65.872.182.654	65.872.182.654

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay:

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 25/5492-CTD/010 ngày 23/05/2025; Hạn mức vay: 35.000.000.000 đồng; Thời hạn: 06 tháng; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại; Lãi suất: Từng lần nhận nợ; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp;
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số 301076.25.006.1618412.TD ngày 06/06/2025; Hạn mức vay: 60.000.000.000 đồng; Thời hạn: 06 tháng; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại; Lãi suất: Từng lần nhận nợ; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp.

PHỤ LỤC SỐ 03
Đơn vị tính: đồng

VIII.02 - BÁO CÁO BỘ PHẬN
Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

TT	Năm nay	Xe đạp	Phụ tùng	Dịch vụ khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	219.043.063.744	-	555.670.942	219.598.734.686		219.598.734.686
2	Doanh thu thuần nội bộ	-	-	-	-		0
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	197.247.731.598	-	-	197.247.731.598		197.247.731.598
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	13.632.612.694		13.632.612.694
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	197.247.731.598	-	-	210.880.344.292		210.880.344.292
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.795.332.146	-	555.670.942	8.718.390.394		8.718.390.394
6	Chi mua TSCĐ	-	-	-	-		6.135.535.575
7	Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-		352.179.878.854
8	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ	-	-	-	-		101.776.273.940

Đơn vị tính: đồng

b) Báo cáo theo khu vực địa lý

TT	Năm nay	KV Miền Bắc	KV Miền Trung	KV Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	139.394.053.076	37.184.202.435	43.020.479.175	219.598.734.686		219.598.734.686
	Trong đó						
	Doanh thu bán xe đạp	139.386.367.890	37.184.202.435	43.020.479.175	219.591.049.500		219.591.049.500
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.685.186	-	-	7.685.186		7.685.186
2	Giá vốn	110.690.305.976	23.313.146.370	31.368.256.247	165.371.708.593		165.371.708.593
2	Lợi nhuận thuần	28.703.747.100	13.871.056.065	11.652.222.928	54.227.026.093		54.227.026.093
3	Chi mua TSCĐ	6.135.535.575	-	-	6.135.535.575		6.135.535.575

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘISố 10B, phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Thuyết minh Báo cáo tài chính**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025**VIII.03 THU NHẬP BỘ PHẬN QUẢN LÝ****PHỤ LỤC SỐ 04**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Năm nay	Năm trước
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC		977.304.173	877.595.365
1	Đinh Vũ Minh Việt	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	382.533.808	385.025.885
2	Phí Trọng Thành	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	360.068.885	236.480.885
3	Chu Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	256.088.596
4	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	117.521.769	-
5	Vũ Thị Phương	Thành viên HĐQT	117.179.712	-
II	BAN KIỂM SOÁT		413.274.168	423.593.458
1	Nguyễn Hồng Thủy	Trưởng ban Ban kiểm soát	191.845.956	200.015.458
2	Chu Văn Vượng	Thành viên Ban kiểm soát	221.428.212	223.578.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2026/TTr-TN-BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng
và Báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

Để việc kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2026 như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

Ban kiểm soát xin đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết, công ty đại chúng.
- Có uy tín về chất lượng dịch vụ kiểm toán, có đội ngũ kiểm toán viên với trình độ cao và nhiều kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội về phạm vi và tiến độ thực hiện.
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.
- Có mức phí hợp lý và phù hợp với chất lượng kiểm toán.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Danh sách ba (03) đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty:
 - + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
 - + Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
 - + Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam VAE
- Giao Tổng Giám đốc Công ty lựa chọn một (01) trong ba (03) đơn vị trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty và hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ, ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hồng Thủy



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/TT-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Ban hành mới Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Để đáp ứng và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức hoạt động của Công ty trong thời điểm hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua việc ban hành mới Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Thông qua Điều lệ mới của Công ty (theo bản Điều lệ được đính kèm) để thay thế Điều lệ cũ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2021;
2. Ủy quyền cho HĐQT và giao Chủ tịch HĐQT được chủ động hoàn thiện để phát hành bản chính thức của Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ NGỌC TÚ



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	6
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	11
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	15
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	17
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	21
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	23
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	23

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	24
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	24
Điều 34. Người điều hành Công ty	24
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	24
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	25
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	26
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	26
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	26
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	27
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	27
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	28
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	28
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	29
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	29
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	29
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	30
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	30
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	30
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	30
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	30
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	30
Điều 49. Năm tài chính	31
Điều 50. Chế độ kế toán	31
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	31
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	31
Điều 52. Báo cáo thường niên	31
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	32
Điều 53. Kiểm toán	32
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	32
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	32
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	32
Điều 55. Giải thể công ty	32
Điều 56. Thanh lý	32
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	33
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	33
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	34
Điều 58. Điều lệ công ty	34
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	34
Điều 59. Ngày hiệu lực	34

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày 26 tháng 02 năm 2026.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm;
- i) **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- l) **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- o) **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- p) **Công ty** là Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **THONG NHAT HA NOI JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: không có

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10B, phố Tráng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024 - 38572699
- Fax: 024 - 38572744
- Email: tnbike@thongnhat.com.vn
- Website: www.thongnhat.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại

STT	Tên ngành
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
7.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
8.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
10.	Sản xuất đồ điện dân dụng
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
12.	Sản xuất xe có động cơ
13.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán tơ moóc
14.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe
15.	Sản xuất mô tô, xe máy
16.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
18.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị
20.	Sửa chữa thiết bị điện
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
22.	Xây dựng nhà các loại
23.	Xây dựng công trình công ích
24.	Phá dỡ
25.	Chuẩn bị mặt bằng
26.	Lắp đặt hệ thống điện
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
30.	Bán mô tô, xe máy
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

STT	Tên ngành
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu
36.	Bán buôn tổng hợp
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
41.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty sẽ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký tới cơ quan đăng ký kinh doanh và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

4. Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 237.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 23.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty là doanh nghiệp cổ phần hóa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước do đó không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần phải trả cho Công ty chi phí in giấy chứng nhận sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty.

4. Trường hợp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần theo đề nghị của

cổ đông đó (biểu mẫu theo quy định của công ty). Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ

đồng, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo biểu mẫu của Công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì quy định tại điều khoản này sẽ không được áp dụng.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và

nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không

được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được

Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế

bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất

và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01

giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên của Hội đồng quản trị đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại điều 158 Luật doanh nghiệp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức:
3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng đối với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng ký với Công ty.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được

công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên (02/12/2005) bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương và 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất II là Nội nhất trí thông qua ngày tháng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10 bản), có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VŨ NGỌC TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÔNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 04 /TTr-TN-HĐQTHà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026**TỜ TRÌNH****Về việc: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn đi kèm;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Để đáp ứng và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức hoạt động của Công ty trong thời điểm hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo bản Quy chế đính kèm;
2. Ủy quyền cho HĐQT và giao Chủ tịch HĐQT được chủ động hoàn thiện Quy chế để phát hành bản chính thức của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****VŨ NGỌC TÚ**



 **Thongnhat**
SINCE 1980 - BIKES

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 02 năm 2026

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2026;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của Công ty.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2: Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - b) Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông: được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
3. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp
 - a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Khi công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải đồng thời báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

c) Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chậm nhất tám (08) ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng hoặc một thời hạn khác theo quy định của VSDC, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

i) Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng (Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Tổ chức phát hành hoặc VSDC trên cơ sở ủy quyền của Tổ chức phát hành ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Tổ chức phát hành, VSDC và quy định pháp luật);

ii) Mục đích sử dụng danh sách;

iii) Nội dung cụ thể thông tin thực hiện quyền (tỷ lệ thực hiện, ngày thực hiện, địa điểm thực hiện...).

4. Gửi thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

b) Thông báo mời họp phải có thời gian, địa điểm họp và một số thông tin khác đối với người dự họp;

c) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch;

d) Thông báo mời họp phải được gửi kèm Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

iii) Phiếu biểu quyết;

iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Kiến nghị bổ sung chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 6: Việc ủy quyền cho người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo biểu mẫu của Công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì quy định tại điều khoản này sẽ không được áp dụng.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cung cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc;
- 2. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình;
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

- 1. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 2. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc;
- 3. Việc kiểm phiếu và bỏ phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 14. Công bố biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 - g) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Quyền của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
 - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
 - d) Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f) Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- g) Bổ nhiệm người Quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong đó có quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 20: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng

quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

b) Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- ii) Trình độ chuyên môn;
- iii) Quá trình công tác;
- iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- vi) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

e) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, nhận được đơn xin từ chức của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm
Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây
 - i) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - iii) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Đề nghị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 - c) Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.
4. Quyền dự họp hội đồng quản trị của Ban kiểm soát
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Cách thức thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị

- a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 6. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
 - a) Căn cứ vào nội dung, nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - b) Các nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc cùng các thành viên khác có liên quan của Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên Hội đồng quản trị dự họp ký đầy đủ vào văn bản;
 - c) Các nội dung nghị quyết Hội đồng quản trị thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm sau đây
 - a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của HĐQT, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - e) Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc

liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 31. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- a) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát tự đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

b) Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát;

c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát bao gồm:

i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

ii) Trình độ chuyên môn;

iii) Quá trình công tác;

iv) Các chức danh quản lý khác;

v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

vi) Các thông tin khác (nếu có);

vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Trưởng ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

7. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

8. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của Ban kiểm soát.

Điều 32. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp;

3. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát;

4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 33. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các

hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính;
- k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị], các quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng ký với Công ty.
- m) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây

- a) Tổng Giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác;
- b) Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;
- c) Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- 2. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - b) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban kiểm soát trong thời hạn quy định theo Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d) Khi ban kiểm soát đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định nội bộ;
 - e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng thời gian quy định.
- 3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị
 - a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình Báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty bất kỳ lúc nào. Quy trình và thời hạn cung cấp theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;
 - c) Trong các cuộc họp Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc, kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm;

d) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

e) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

f) Đối với kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi bằng văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày nhận được phản hồi;

g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xác định các chủ trương, chính sách, định hướng và quy chế quản trị làm cơ sở để Tổng giám đốc triển khai các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị;

2. Hội đồng quản trị quy định chế độ thông tin/ báo cáo làm cơ sở để nắm tình hình hoạt động của Công ty và ra quyết định; Tổng giám đốc có trách nhiệm duy trì chế độ thông tin, báo cáo đến Hội đồng quản trị kịp thời, đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị nắm tình hình hoạt động của Công ty;

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/ phân công/ chỉ đạo của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định của pháp luật;

4. Trường hợp Tổng giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/ thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị;

5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty;

6. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Điều 38. Phối hợp giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (hoặc cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành công ty. Tùy mức độ và

kết quả, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo các quy định về khen thưởng, kỷ luật do Công ty ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội bao gồm 07 Chương và 40 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty;
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VŨ NGỌC TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/TTr-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn đi kèm;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên nhất thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty theo bản Quy chế đính kèm;
2. Ủy quyền cho HĐQT và giao Chủ tịch HĐQT được chủ động hoàn thiện Quy chế để phát hành bản chính thức của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ NGỌC TÚ



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 02 năm 2026

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng

quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương

nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết

định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và

địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- 1) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác

nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội bao gồm 07 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

VŨ NGỌC TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/TT-TN-BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn đi kèm;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như sau:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo bản Quy chế đính kèm;
2. Ủy quyền cho Ban kiểm soát và giao Trưởng Ban kiểm soát được chủ động hoàn thiện Quy chế để phát hành bản chính thức Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN HỒNG THỦY



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	1
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông ...	7
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	8
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 20: Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	12
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	12

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm .

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Trường ban kiểm soát không được kiêm nhiệm công việc điều hành công ty;
3. Ban kiểm soát được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của HĐQT, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- Triệu tập cuộc họp BKS;
- Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo BKS;
- Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được

xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên BKS.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
6. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

- Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

- Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20: Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng ban kiểm soát, mỗi thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Nhiệm vụ:

- Đề xuất, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Xem xét các kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành;
- Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, hàng quý trước khi trình HĐQT và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
- Được Chủ tịch HĐQT mời tham dự một số cuộc họp HĐQT khi cần thiết, được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp.

2. Quyền hạn:

- Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và quy định pháp luật;

- Việc kiểm tra, kiểm soát theo quy chế này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng Giám đốc.

Điều 21. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày tháng năm .
2. Thành viên BKS, HĐQT, Ban điều hành và các thành viên trong Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội có trách nhiệm thực hiện quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội chuẩn bị, thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm 07 Chương và 23 Điều.
5. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội biểu quyết thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hồng Thủy

Số: 09 /2026/TT-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Báo cáo tài chính năm 20225 đã được kiểm toán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch phát triển giai đoạn tiếp theo.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

STT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 (chỉ tiêu 421 - Bảng CĐKT)	13.396.012.147
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (chỉ tiêu 60 - Báo cáo KQHĐKD)	33.398.761.910
3	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	3.339.876.191
4	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế)	3.339.876.191
5	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi trích lập quỹ	6.716.259.765

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Ngọc Tú

Số: 08/2026/TTr-TN-HDQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chỉ tiêu 421- bảng cân đối kế toán) tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty là 13.396.012.147 đồng. Sau khi trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1. Tổng số cổ phần đang lưu hành | : 23.700.000 cổ phần |
| 2. Mệnh giá cổ phiếu | : 10.000 đồng |
| 3. Hình thức chia cổ tức | : Bằng tiền |
| 4. Tỷ lệ chi trả cổ tức | : 100 đồng/cổ phần |
| 5. Nguồn chi trả cổ tức | : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 |
| 6. Thời gian dự kiến chi trả cổ tức | : Từ quý II đến quý IV năm 2026 |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Lưu P.NS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Ngọc Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2026/TTr-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: thù lao 4.500.000 đồng/người/tháng
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát: thù lao 2.000.000 đồng/người/tháng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Ngọc Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2026/TTr-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt chủ trương giải thể Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty CP Thống Nhất Hà Nội;
- Căn cứ Thông báo số 02/HĐTV ngày 18/01/2026 của Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt về việc họp Hội đồng thành viên để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm năm 2025 và xin ý kiến về chủ trương giải thể Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt;
- Căn cứ Báo cáo số 01/HĐTV ngày 17/01/2026 của Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt về tình hình hoạt động năm 2025.

1. Tổng quan về khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt

Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt (sau đây gọi là "**Thống Nhất - Bắc Việt**"), địa chỉ trụ sở chính tại Số 82 phố Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội được thành lập vào ngày 19 tháng 01 năm 2012 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0105776791, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 26 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của **Thống Nhất - Bắc Việt** là 390.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tỷ đồng chẵn) trong đó Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội góp 117.000.000.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ đồng chẵn), tương đương 30% giá trị vốn góp tại **Thống Nhất - Bắc Việt**.

Hoạt động kinh doanh chính của **Thống Nhất - Bắc Việt**: là chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và quản lý chung cư cao cấp tại 82 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội, đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng từ 2022.

Hiện tại, giá trị đầu tư đang ghi nhận trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thống nhất Hà Nội tại ngày 31/12/2025 vào **Thống Nhất - Bắc Việt** là 117.025.553.713 đồng (Một trăm mười bảy tỷ không trăm hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm mười ba đồng chẵn). Trong năm 2025, Công ty CP Thống Nhất Hà Nội đã nhận được 30.000.000.000 đồng



(Ba mươi tỷ đồng chẵn) từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến hết ngày 31/12/2024 của **Thông Nhất - Bắc Việt**.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh của Thông Nhất - Bắc Việt

Năm 2021, **Thông Nhất - Bắc Việt** đã hoàn thành công tác bán hàng, bàn giao đưa vào sử dụng đầy đủ công năng của Tòa nhà chung cư cao cấp tại 82 Nguyễn Xuân, Thanh Xuân, Hà Nội cho khách hàng. Đến thời điểm hiện tại, **Thông Nhất - Bắc Việt** đã hoàn thành công tác bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà nêu trên cho khách hàng và hoàn thành nghĩa vụ Bảo hành, bàn giao Quỹ bảo trì cho Ban Quản lý tòa nhà.

Từ năm 2022, **Thông Nhất - Bắc Việt** không còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán bất động sản, chỉ còn duy trì doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà trẻ tại cùng lô đất nêu trên. Tuy nhiên do hoạt động không hiệu quả, được sự đồng ý của Hội đồng thành viên, **Thông Nhất - Bắc Việt** đã thực hiện bán thanh lý nhà trẻ nêu trên. Từ năm 2026 **Thông Nhất - Bắc Việt** không còn hoạt động kinh doanh mang lại doanh thu.

Một số chỉ tiêu tài chính của **Thông Nhất - Bắc Việt** từ 2021 - 2025 theo báo cáo số 01/HDTV ngày 17 tháng 01 năm 2026 của **Thông Nhất - Bắc Việt** (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	176.602.808.025	12.770.499.265	13.369.612.825	12.025.356.416	116.665.694.007
Doanh thu chuyển nhượng BĐS	166.951.152.398				
Doanh thu bán hàng	188.457.688	8.485.000	1.829.796.134	36.299.442	4.022.066.137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.338.491.714	5.769.647.291			
Doanh thu thu hộ chi hộ điện nước	3.124.706.225	4.767.222.107	6.034.072.407	5.329.646.273	4.487.629.251
Doanh thu cho thuê khu vực trường mầm non		2.225.144.867	5.505.744.284	6.659.410.701	9.974.180.437
Doanh thu chuyển nhượng khu vực nhà trẻ					98.181.818.182

Chi tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.032.911.032	(1.425.816.472)	(4.050.039.421)	(2.483.616.673)	(2.392.049.042)
Tổng tài sản tại ngày cuối năm	571.968.414.683	563.587.751.419	533.848.437.085	528.599.857.441	433.060.601.791
Vốn chủ sở hữu tại ngày cuối năm	390.000.000.000	390.000.000.000	390.000.000.000	390.000.000.000	390.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày cuối năm	140.000.154.668	141.532.653.763	137.193.532.169	134.710.085.996	32.270.408.887

Có thể nhận thấy, từ năm 2022 đến 2025, sau khi không còn ghi nhận doanh thu từ việc bán bất động sản, hoạt động cho thuê nhà trẻ để kinh doanh ghi nhận doanh thu thấp, không ổn định và chưa hiệu quả (chỉ khoảng 06 tỷ đồng/năm), dẫn đến lợi nhuận sau thuế các năm này bị âm, làm suy giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của các nhà đầu tư. Do nhận thấy việc kinh doanh nhà trẻ không có hiệu quả, ngày 01/12/2025 **Thống Nhất - Bắc Việt** đã tiến hành thanh lý nhà trẻ theo nghị quyết số 02/NQ/HDTV của Hội đồng thành viên. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2025, **Thống Nhất - Bắc Việt** không còn duy trì bất cứ hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác.

Ngoài ra, Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội bị kiểm toán viên đưa ý kiến ngoại trừ liên quan đến khoản đầu tư vào **Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt** với nội dung cụ thể như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt.

Chúng tôi không thực hiện được công tác kiểm toán đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở xác định liệu có cần phải điều chỉnh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

Hiện tại, Công ty CP Thống Nhất Hà Nội đã niêm yết trên sàn chứng khoán Upcom, vì vậy việc báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và hình ảnh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty CP Thống Nhất Hà Nội vẫn phải đi vay ngân hàng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh chính và chịu chi phí lãi vay lớn, trong khi đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết lại không thể sinh lời do **Thống Nhất – Bắc Việt** không còn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều này có thể dẫn đến lãng phí nguồn lực của Công ty.

3. Phương án đề xuất

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của **Thống Nhất - Bắc Việt**, ngày 18/1/2026 Chủ tịch HĐQT **Thống Nhất - Bắc Việt** đã gửi thông báo mời họp số 02/HĐTV đến Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội về việc họp Hội đồng thành viên vào ngày 28/02/2026 để phê duyệt chủ trương giải thể **Thống Nhất - Bắc Việt**.

Hiện tại vốn đầu tư của Công ty CP Thống Nhất Hà Nội chỉ chiếm 30% vốn điều lệ của **Thống Nhất - Bắc Việt**, căn cứ điều lệ của **Thống Nhất - Bắc Việt** Công ty CP Thống Nhất Hà Nội sẽ không thể phủ quyết chủ trương giải thể **Thống Nhất - Bắc Việt**. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội cũng như đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Chủ tịch HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Phê duyệt chủ trương giải thể **Thống Nhất - Bắc Việt** theo báo cáo đề xuất số 01/HĐTV ngày 17/01/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt;

- Giao cho Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện phần vốn của Công ty CP Thống Nhất Hà Nội tại **Thống Nhất – Bắc Việt** thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn đối với vấn đề nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY TNHH
THỐNG NHẤT – BẮC VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐTV

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2025

Kính gửi : Hội đồng thành viên Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ nhu cầu quản trị, điều hành Công ty;

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

1. Tổng quan về Công ty

Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt, địa chỉ trụ sở chính tại Số 82 phố Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội được thành lập vào ngày 19 tháng 01 năm 2012 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0105776991, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 26 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 390.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tỷ đồng chẵn) do Công ty TNHH Bắc Việt – Nguyễn Tuân góp 273.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba tỷ đồng chẵn), tương đương 70% giá trị vốn góp và Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội góp 117.000.000.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ đồng chẵn), tương đương 30% giá trị vốn góp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: là chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại 82 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành công tác bán hàng, bàn giao đưa vào sử dụng đầy đủ công năng của Tòa nhà chung cư tại 82 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội cho khách hàng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành công tác bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà nêu trên cho khách hàng. Đồng thời đến hết 2025, Công ty cũng đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành với khách hàng và bàn giao quỹ bảo trì cho Ban Quản lý.

Từ năm 2022, Công ty không còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán bất động sản, chỉ còn duy trì doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà trẻ tại cùng lô đất nêu trên. Tuy nhiên do hoạt động không hiệu quả, được sự đồng ý của Hội đồng thành viên Công ty, Công ty đã thực hiện bán thanh lý nhà trẻ nêu trên. Từ năm 2026 Công ty không còn hoạt

động kinh doanh mang lại doanh thu. Hiện tại số lượng lao động của Công ty còn 11 người để phục vụ lưu trữ sổ sách, chứng từ, ngoài ra không còn bất cứ hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác

3. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty từ 2021 – 2025 (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	176.602.808.025	12.770.499.265	13.369.612.825	12.025.356.416	116.665.694.007
Doanh thu chuyển nhượng BĐS	166.951.152.398				
Doanh thu bán hàng	188.457.688	8.485.000	1.829.796.134	36.299.442	4.022.066.137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.338.491.714	5.769.647.291			
Doanh thu thu hộ chi hộ điện nước	3.124.706.225	4.767.222.107	6.034.072.407	5.329.646.273	4.487.629.251
Doanh thu cho thuê khu vực trường mầm non		2.225.144.867	5.505.744.284	6.659.410.701	9.974.180.437
Doanh thu chuyển nhượng khu vực nhà trẻ					98.181.818.182
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.032.911.032	(1.425.816.472)	(4.050.039.421)	(2.483.616.673)	(2.392.049.042)
Tổng tài sản tại ngày cuối năm	571.968.414.683	563.587.751.419	533.848.437.085	528.599.857.441	433.060.601.791
Vốn chủ sở hữu tại ngày cuối năm	390.000.000.000	390.000.000.000	390.000.000.000	390.000.000.000	390.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày cuối năm	140.000.154.668	141.532.653.763	137.193.532.169	134.710.085.996	32.270.408.887

Có thể nhận thấy, từ năm 2022 đến 2025, sau khi không còn ghi nhận doanh thu từ việc bán bất động sản, hoạt động cho thuê nhà trẻ ghi nhận doanh thu thấp, không ổn định và chưa hiệu quả (trung bình khoảng 6 tỷ đồng/năm), dẫn đến lợi nhuận sau thuế các năm này bị âm, làm suy giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của các thành viên góp vốn. Do nhận thấy việc kinh doanh nhà trẻ không có hiệu quả, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng nhà trẻ theo nghị quyết số 02/NQ-HĐTV của Hội đồng thành viên ngày 01/12/2025. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2025, Công ty không còn duy trì bất cứ hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác.

4. Kiến nghị của Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Để đảm bảo quyền lợi & vốn cho các thành viên trong hoàn cảnh Công ty không còn bất cứ hoạt động sản xuất kinh doanh nào nhưng vẫn phải duy trì hoạt động tối thiểu (chi trả lương, bảo hiểm, quyết toán thuế...), Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty kiến nghị Hội đồng thành viên xem xét phương án giải thể Công ty trong năm 2026 để tiết kiệm chi phí trên tinh thần bảo toàn tối đa vốn chủ sở hữu và quyền lợi của các thành viên Công ty

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN SƠN



CÔNG TY TNHH
THỐNG NHẤT – BẮC VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: HDTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc họp Hội đồng thành viên

Kính gửi : Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội;
Ông Vũ Ngọc Tú, Nguyễn Văn An

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ đề xuất của Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt;
- Căn cứ nhu cầu quản trị, điều hành Công ty;

Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt kính mời các thành viên Hội đồng thành viên Công ty đến tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên với những nội dung cụ thể sau:

1. Thời gian: từ 9 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2026
2. Địa điểm: Văn phòng Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt tại số 82 Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân, Hà Nội
3. Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty;
4. Nội dung: Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 và xin ý kiến về chủ trương giải thể Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt theo tài liệu đính kèm.

Thông báo này có giá trị thay cho thư mời họp.

Trân trọng thông báo và kính mời các thành viên tham dự.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/TT-TN-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH**Về việc: Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ) thông qua phương án bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2026 - 2031 với nội dung như sau:

1. Cơ cấu và danh sách nhân sự Hội đồng quản trị hiện tại:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/12/2021
2	Ông Đinh Vũ Minh Việt	Thành viên HĐQT	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/12/2021
3	Ông Phí Trọng Thành	Thành viên HĐQT	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/6/2024
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 18/6/2025
5	Bà Vũ Thị Phương	Thành viên HĐQT	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 18/6/2025

2. Cơ cấu và danh sách nhân sự Ban kiểm soát hiện tại:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Bà Nguyễn Hồng Thủy	Trưởng ban	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 15/9/2022
2	Ông Chu Văn Vượng	Thành viên	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/12/2021
3	Ông Bùi Ngọc Sơn	Thành viên	Bầu tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 18/6/2025

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội ngày 28/12/2021, đến năm 2026 các thành viên HĐQT, BKS nói trên sẽ hết nhiệm kỳ.

Như vậy, để đảm bảo sự cần thiết cho HĐQT, BKS có đủ thành viên để thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ tới, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

- Số lượng bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031 là: 05 thành viên
- Số lượng bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 là: 03 thành viên.

3. Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Với các nội dung đã trình bày ở trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc bầu 05 thành viên HĐQT và bầu 03 thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Tiêu chuẩn, thể lệ bầu cử: Theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Kèm theo Tờ trình này: Mẫu đơn đề cử, ứng cử; SYLL, hướng dẫn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Ngọc Tú



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026*

QUY CHẾ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI NHIỆM KỲ 2026 - 2031

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 28/12/2021.

Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 được thực hiện theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử

1.1 Nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty) được thực hiện theo nguyên tắc:

- Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp năm 2020.

1.2 Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được chốt vào ngày 26/01/2026.

1.3 Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu thành viên HĐQT với nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và đề cử vào HĐQT, BKS để thông qua tại Đại hội.
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại về bầu cử thành viên HĐQT, BKS (nếu có).

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT, BKS

2.1 Số lượng:

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại ĐHĐCĐ 2026 là: 05 thành viên
- Số lượng thành viên BKS được bầu tại ĐHĐCĐ 2026 là: 03 thành viên

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

- Tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT: theo Điều lệ Công ty và Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020
- Tiêu chuẩn làm thành viên BKS: theo Điều lệ Công ty và Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020.

Điều 3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

3.1 Trước cuộc họp Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT, BKS.

3.2 Việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo quy định như sau:

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên HĐQT, BKS cụ thể:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

Điều kiện về thời gian nắm giữ cổ phần không áp dụng tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS

4.1 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Bản gốc Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT, BKS (theo mẫu);
- Bản gốc Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản phô tô CCCD/CC/hộ chiếu của ứng viên và các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ văn hóa, chuyên môn (để lưu hồ sơ).

4.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử phải cung cấp đầy đủ hồ sơ ứng cử hoặc đề cử như trên cho Ban tổ chức và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các hồ sơ cung cấp.

4.3 Chỉ những hồ sơ ứng cử hoặc đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử hoặc đề cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 5. Nguyên tắc bầu cử

5.1 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS.

5.2 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

5.3 Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu của cổ đông đó (*Bảng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu*).

Điều 6. Phiếu bầu cử, ghi phiếu bầu cử

Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS: được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Phiếu bầu cử: Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp Phiếu bầu cử bầu thành viên HĐQT, BKS ("Phiếu bầu cử"), trên đó có ghi tên Cổ đông, mã số Cổ đông và tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

- Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

a. Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Là Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử không bị rách, tẩy xóa, cạo, sửa hoặc ghi thêm tên người ngoài ứng viên BKS đã được Đại hội thông qua;
- Được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền ký xác nhận;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên không vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

b. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc phiếu không do cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký.
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban bầu cử sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.

c. Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

d. Cách ghi Phiếu bầu cử:

Các cổ đông tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS bằng phương pháp ghi số cổ phần (phiếu bầu) cho số ứng viên mình lựa chọn: Cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên tại cột "Số phiếu được bầu" sao cho **Tổng số phiếu được bầu không vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu**. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.

Điều 7. Kiểm phiếu

7.1 Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Việc kiểm phiếu được Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc có sự giám sát của đại diện cổ đông và/ hoặc Chủ tọa Đại hội.

7.2 Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, Trưởng Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.

- Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban bầu cử làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 8. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên HĐQT, BKS

Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 luật Doanh nghiệp 2020: người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định căn cứ vào số phiếu bầu hợp lệ, tính từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

9.1 Cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến bầu thành viên HĐQT, BKS. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

9.2 Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS này gồm 10 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Ngọc Tú

PHỤ LỤC 01 - HƯỚNG DẪN BẦU CỬ

Ví dụ bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS):

Giả sử Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 biểu quyết thông qua số lượng bầu thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên (trong tổng số có 04 ứng viên được giới thiệu, đề cử) vào BKS.

Giả sử quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần, khi đó **Tổng số phiếu bầu** mà cổ đông Nguyễn Văn A có quyền bầu là: $1.000 \times 4 = 4.000$ phiếu bầu.

❖ *Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu một phần hoặc toàn bộ phiếu bầu của mình cho ứng viên sao cho tổng số phiếu được bầu không vượt quá tổng số phiếu bầu.*

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể lựa chọn bầu dồn phiếu theo một trong ba trường hợp sau:

+ **Trường hợp 1:** Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều phiếu bầu của mình cho 04 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu):

TT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1	Ứng viên 1	1.000
2	Ứng viên 2	1.000
3	Ứng viên 3	1.000
4	Ứng viên 4	1.000
	Tổng cộng	4.000

+ **Trường hợp 2:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết phiếu bầu của mình cho một ứng viên (dồn hết cho ứng viên số 2):

TT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1	Ứng viên 1	0
2	Ứng viên 2	4.000
3	Ứng viên 3	0
4	Ứng viên 4	0
	Tổng cộng	4.000

+ **Trường hợp 3:** Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 04 ứng viên nhưng không đều nhau:

TT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1	Ứng viên 1	500
2	Ứng viên 2	800
3	Ứng viên 3	1.200
4	Ứng viên 4	2.700
	Tổng cộng	4.000

❖ **Lưu ý: Phiếu bầu cử của cổ đông Nguyễn Văn A không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:**

- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra (không có dấu treo của Công ty trên phiếu bầu);
- Phiếu bầu cử bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa hoặc ghi thêm tên người ngoài ứng viên BKS đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc phiếu không do cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký.
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu (vượt quá 4.000 phiếu được bầu);
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng ứng viên BKS được bầu (vượt quá 04 ứng viên) ;
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban bầu cử sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỐNG NHẤT HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026***HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT, BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

Ngày 26/02/2026, Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Lô A2CN3 cụm công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội. Một trong các nội dung của Đại hội cổ đông là bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) cho nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 10%** cổ phần của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/01/2026 có quyền ứng cử/ đề cử ứng viên HĐQT, BKS Công ty cho nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Để thuận tiện cho cổ đông thực hiện quyền ứng cử/ đề cử của mình, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội trân trọng gửi tới các Quý cổ đông Hướng dẫn ứng cử/ đề cử để bầu thành viên HĐQT, BKS với các nội dung sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT: theo Điều lệ công ty và Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020.

2. Tiêu chuẩn làm thành viên BKS: theo Điều lệ công ty và Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo quy định như sau:

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 10%** cổ phần của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/01/2026 có quyền ứng cử/ đề cử ứng viên HĐQT, BKS cụ thể:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ sở hữu như quy định tại Mục 3 nêu trên khi ứng cử, đề cử vào HĐQT, BKS công ty cần gửi về Công ty (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) các hồ sơ sau:

- Bản gốc Đơn đề cử/ ứng cử tham gia HĐQT, BKS (theo mẫu);

Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà NộiAdd: Số 10B phố Tráng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | Web: www.thongnhat.com.vn

Tel: 024 38572699 | Fax: 024 - 38572744



- Bản gốc Sơ yếu lý lịch của người ứng cử/ đề cử do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản phô tô CCCD/ CC/ hộ chiếu của ứng viên ứng cử hoặc được đề cử và các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ văn hóa, chuyên môn (để lưu hồ sơ).
- Trường hợp là Nhóm cổ đông đề cử:
 - + Gửi danh sách tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/01/2026 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2026.
 - + Đơn đề cử phải có đầy đủ chữ ký của tất cả các cổ đông tham gia Nhóm cổ đông đề cử hoặc có văn bản ủy quyền (có công chứng) của Nhóm cổ đông cho một cổ đông đại diện Nhóm thực hiện quyền đề cử.

❖ **Ghi chú:**

Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử, Công ty trân trọng và đề nghị Quý cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/ đề cử gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hồ sơ như đã quy định tại Mục 4 nêu trên về công ty trước ngày 23/02/2026 (thứ 2).

Thông tin liên hệ: Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội

Địa chỉ Nhà máy: Lô A2CN3 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội.

Người liên hệ: ông Chu Văn Vượng - Trưởng phòng Nhân sự; Điện thoại: 024 - 38572699/ 0982.718.515. Email: vuong.chu@thongnhat.com.vn.

Trường hợp Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông không nộp hồ sơ như đã quy định tại Mục 4 nêu trên cho Công ty (trước khi diễn ra Đại hội hoặc trước khi thông qua danh sách ứng cử/ đề cử tại Đại hội), việc ứng cử/ đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty thì việc ứng cử/ đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.NS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Ngọc Tú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI
(Nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

Tên cổ đông:

CCCD/CC/hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp :

Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Số cổ phần hiện đang nắm giữ/đại diện:

(Bằng chữ:)

Ứng cử làm ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được tổ chức vào ngày 26/02/2026.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

Tài liệu kèm theo (giấy tờ của người ứng cử HĐQT/BKS):

- Bản gốc SYLL;
- Bản phô tô CCCD/CC/HC;
- Bản phô tô bằng cấp.

CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI
(Nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

Tên cổ đông/đại diện nhóm cổ đông:

CCCD/CC/hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp :

Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Số cổ phần hiện đang nắm giữ/đại diện:

(Bằng chữ:)

Đồng ý đề cử Ông/Bà:.....

Sinh ngày:

CCCD/CC/hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp :

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn: Làm ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được tổ chức vào ngày 26/02/2026.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

Tài liệu kèm theo (giấy tờ của ứng viên HĐQT/BKS):

- Bản gốc SYLL;
- Bản phô tô CCCD/CC/HC;
- Bản phô tô bằng cấp.

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 4 x 6
 (chụp trong thời gian
 06 tháng gần đây nhất)



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát
 Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội nhiệm kỳ 2026 - 2031)



- Họ và tên:
- Giới tính:
- Nơi sinh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Quốc tịch:
- Dân tộc:
- Trình độ văn hóa:
- Trình độ chuyên môn:

THỜI GIAN <i>(Từ tháng/năm....đến tháng/năm)</i>	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH	BẰNG CẤP

9. Quá trình công tác (nếu thời gian, đơn vị công tác, chức danh công việc):

THỜI GIAN <i>(Từ tháng/năm....đến tháng/năm)</i>	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH CÔNG VIỆC

10. Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội:

Công ty Cổ phần Thông Nhất Hà Nội

Add: Số 10B, phố Tráng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Tel: 024 - 3857.2699 | Fax: 024 - 3857.2744

| Web: www.thongnhat.com.vn

11. Các chức danh tại các công ty khác (bao gồm cả chức danh HĐQT):
12. Danh sách người có liên quan của người khai (theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2019):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (nếu có)	Mối quan hệ
(A)	(B)	(C)	(D)
1			
2			
3			
4			
5			

13. **Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội của bản thân và những người có liên quan (tính đến ngày chốt DS cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2026):**

Trong đó:

+ Bản thân:

+ Người có liên quan (*chi tiết thể hiện tại cột C của danh sách người có liên quan*).

14. Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội:

15. Các khoản nợ với Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tính đến ngày lập Sơ yếu lý lịch này:

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)